

Bản án số 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20/4/2022

Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích T.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim P

Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức T, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh N - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị P, sinh năm 1990.

HKTT: Số nhà 04, ngõ 630, đường 30/6, phố H, phường N, TP N, tỉnh N.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 05, ngõ 461, đường N, phố B, phường B thành phố N, tỉnh N (Nhà ông Vũ Ngọc P và bà Vũ Thị N là bố mẹ đẻ chị P).

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn Q, sinh năm 1984;

Trú tại: Số nhà 04, ngõ 630, đường 30/6, phố H, phường N, TP N, tỉnh N.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Ngọc, sinh năm 1965 (mẹ đẻ chị P), trú tại: Số nhà 05, ngõ 461, đường N, phố B, phường B, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị P, vắng mặt anh Q mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Vũ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 09/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Q tại số nhà 04, ngõ 630, đường 30/6, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm. Anh

Q thường xuyên mải chơi, không chịu làm ăn. Chị đã nhắc nhở anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống tại số nhà 05, ngõ 461, phố B, phường B, thành phố N. Từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 2 con chung là cháu Trần Minh Q sinh ngày 08/7/2010 và cháu Trần Thanh H sinh ngày 22/11/2013. Hiện nay 2 cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một cháu. Chị nuôi cháu Trần Thanh H, anh Q nuôi cháu Trần Minh Q không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trường hợp anh Q không muốn trực tiếp nuôi con thì chị xin nuôi cả 2 cháu. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị và anh Q tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi cần thiết các bên được Q xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Các bên được Q thăm nom, chăm sóc con chung. Nghề nghiệp của chị là công nhân giày da thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Q tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Q (Lời khai của anh Q tại Bản tự khai ngày 22/2/2022):
Anh xác định anh và chị P đăng ký kết hôn vào năm 2008 được tự do tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với nhau tại số nhà số nhà 04, ngõ 630, đường 30/6, phố H, phường N thành phố N, tỉnh N. Vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nay chị P có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị, anh không muốn con cái mỗi đứa mỗi nơi. Về con chung: anh cũng xác nhận anh và chị P có 02 hai con chung là cháu Trần Minh Q sinh ngày 08/7/2010 và cháu Trần Thanh H sinh ngày 22/11/2013. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh nhường Q nuôi hai con cho chị P. Về phần cấp dưỡng nuôi con anh và chị P tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: anh và chị P tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các Q và nghĩa vụ tố tụng của mình đã có lời khai trong hồ sơ, chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 /UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Pxử cho chị P được ly hôn anh Trần Văn Q. Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Ptrực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Minh Q sinh ngày 08/7/2010 và cháu Trần Thanh H sinh ngày 22/11/2013 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q được Q thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị P và anh Q tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi cần thiết các đương sự được Q xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị P và anh Trần Văn Q kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B thành phố N, tỉnh N ngày 09/12/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng với mẹ anh Q tại số nhà 04, ngõ 630, đường 30/6, phố Hòa Bình, phường Nam Thành, thành phố N. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Cường thường xuyên mải chơi, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau nhiều lần. Tháng 5/2019, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân. Về phía anh Q không đồng ý ly hôn, anh cho rằng mâu thuẫn giữa hai người chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể, tuy nhiên anh Q cũng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 07/3/2022 làm việc với Ủy ban nhân dân phường N (BL 61), lời khai người làm chứng bà Vũ Thị N (BL 44) là mẹ đẻ chị P cung cấp cho thấy giữa chị P và anh Q hiện không còn chung sống với nhau đã lâu, anh Q vừa đi tù về về tội Đánh bạc. Quá trình giải quyết vụ án, chị P kiên quyết xin ly hôn do chị không thể tiếp tục chung sống với anh Q, tình cảm của chị đối với anh Q không còn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị P, xử cho chị P được ly hôn anh Trần Văn Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung*: Chị Vũ Thị P và anh Trần Văn Q có hai con chung là cháu Trần Minh Q sinh ngày 08/7/2010 và cháu Trần Thanh H sinh ngày 22/11/2013 hiện nay các cháu đang ở với chị P. Anh Q cũng đã có quan điểm nếu ly hôn anh giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Đến nay, chị P cũng đồng ý nuôi cả hai con. Về phần cấp dưỡng chị P và anh Q đều có ý kiến xin tự giải quyết. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Minh Q và cháu Trần Thanh H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Q được Q thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị P và anh Q xin tự giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi cần thiết các bên đương sự có Q xin thay đổi nuôi con và giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[3]*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị P và anh Q đều thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được Q kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị P. Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Trần Văn Q. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Minh Q sinh ngày 08/7/2010 và cháu Trần Thanh H sinh ngày 22/11/2013 cho chị Vũ Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q được Q thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị P và anh Q tự giải quyết. Khi cần thiết hai bên đương sự có Q xin thay đổi nuôi con và giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị P phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000720 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị P có mặt được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q vắng mặt được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N
- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T

